TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST Ngày 26 - 9 - 2018 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Dương Điềm.

Bà H Bliăk Niê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Xuân Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/8/2018 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Thanh Nh, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03/8/2018 và các lời khai quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Thanh Nh trình bày:

Chị Nh và anh Nguyễn Văn N sau một thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân trên cở sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống

thuận hòa, hạnh phúc với nhau. Đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau về tính cách và ứng xử hàng ngày nên vợ chồng thường hay xảy ra cải vã nhau, những lần như vậy anh N thường hay đánh đập chị Nh. Chị Nh đã cố gắng chịu đựng để níu giữ hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ năm cuối năm 2017 cho đến nay. Nay chị Nh xét thấy không còn tình cảm với anh N nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Quang A, sinh ngày 19/9/2010. Hiện cháu A đang ở với anh N. Nếu Tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn N thì chị Nh đồng ý giao cháu Nguyễn Nhật Quang A cho anh Nguyễn Văn N trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn N trình bày:

Anh N và chị Nguyễn Thị Thanh Nh sau một thời gian tìm hiểu đã tự nguyện đến Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 17/11/2009. Sau khi kết hôn,vợ chồng sống thuận hòa, hạnh phúc với nhau đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị Nh không đáp ứng được nhu cầu sinh lý của anh N. Những lúc như vậy thì giữa vợ chồng có xảy ra xô xát với nhau. Anh N có hỏi chị Nh nguyên nhân thì chị Nh trả lời là do không còn tình cảm gì với anh N nữa nên mâu thuẫn vợ chồng cứ tiếp tục xảy ra. Nay chị Nh yêu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N thì anh N không đồng ý vì anh N vẫn còn tình cảm với chị Nh, mặt khác do anh N theo đạo công giáo nên không được phép ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Nhật Quang A, sinh ngày 19/9/2010. Hiện cháu A đang ở với anh N, nếu Tòa án giải quyết cho chị Nh được ly hôn với anh N thì anh N có nguyện vọng được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Nguyễn Nhật Quang A cho đến khi cháu đủ tuổi thành niên và không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của cháu Nguyễn Nhật Quang A, sinh ngày 19/9/2010 là muốn ở với anh N sau khi bố mẹ ly hôn với nhau.

Ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên toà: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Nh về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về

con chung giao cháu Nguyễn Nhật Quang A, sinh ngày 19/9/ 2010 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến tuổi trưởng thành. Chị Nh có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng, tài sản chung và nợ chung do các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với Nguyễn Văn N, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là anh Nguyễn Văn N có địa chỉ nơi cư trú tại thôn M, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin. Anh Nguyễn Văn N vắng mặt tại phiên tòa và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh và anh Nguyễn Văn N xác lập quan hệ hôn nhân với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 17/11/2009 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh N là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống giữa chị Nh và anh N thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách và việc ứng xử trong sinh hoạt thường ngày dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra cải vả, xô sát nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng xảy ra đã nhiều năm, được gia đình và chính quyền địa phương hòa giải nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không được cải thiện mà ngày càng căng thẳng hơn, đến cuối năm 2017 chị Nh và anh N đã sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Như vậy, trong quan hệ hôn nhân giữa chị Nh và anh N đã có sự vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của chị Nh về việc xin ly hôn với anh N.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng có một người con chung là cháu Nguyễn Nhật Quang A, sinh ngày 19/9/2010. Hiện cháu A đang ở với anh N, theo nguyện vọng của cháu A là muốn với anh N sau khi bố mẹ ly hôn, ý kiến chị Nh và anh N đều thống nhất nếu vợ chồng ly hôn với nhau thì giao cháu A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ tuổi trưởng thành. Do đó, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Nhật Quang A cho anh N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Về cấp dưỡng nuôi con do anh N không yêu cầu nên chị Nh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật Quang A.

[4] Về tài sản và nợ chung của vợ chồng: Do các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 144, 147, 227, 235, 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 khoản 2 Điều 47 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị Quyết.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thanh Nh.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Nhật Quang A, sinh ngày 19/9/2010 cho anh Nguyễn Văn N trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Nguyễn Thị Thanh Nh không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Nhật Quang A. Không ai được cản trở việc thăm nom con chung sau khi ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh Nh. Vì lợi ích của con và theo yêu cầu của một trong hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh và anh Nguyễn Văn N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh Nh phải chịu 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2017/0007140 ngày 05/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Anh Nguyễn Văn N không phải chịu án phí.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- Chi Cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã E;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Quốc Định